

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1289/TTr-SYT ngày 15 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung các bước tiếp nhận, chuyển kết quả giải quyết và trả kết quả của Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh; y tế dự phòng; dược phẩm; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; y, dược cổ truyền; bảo trợ xã hội thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được ban hành tại Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (có Phụ lục quy trình kèm theo).

2. Các nội dung khác của quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh; y tế dự phòng; dược phẩm; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; y, dược cổ truyền; bảo trợ xã hội tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022, Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đối với các thủ tục hành chính đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện cung cấp thông tin, ưu tiên hỗ trợ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, giám sát và thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng Quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm soát việc chấp hành Quy trình nội bộ được phê duyệt, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất xử lý trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính để thiết lập lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng theo Quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Y tế (Báo cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP (Báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: PCVP, KGVX;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, TTHC.VTH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT, TRẢ KẾT QUẢ KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NGÀNH Y TẾ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
I	LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH		
1	1012289.000.0 0.00.H48	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Cấp tỉnh
2	1012290.000.0 0.00.H48	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Cấp tỉnh
3	1012291.000.0 0.00.H48	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	Cấp tỉnh
II	LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG		
4	1.003958.000.0 0.00.H48	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Cấp tỉnh
5	1.002944.000.0 0.00.H48	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
		trong lĩnh vực gia dụng và y tế	
6	1.002467.000.0 0.00.H48	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Cấp tỉnh
7	1.002564.H48	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Cấp tỉnh
8	1.004062.H48	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Cấp tỉnh
9	1.004070.H48	Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Cấp tỉnh
III	LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM		
10	1.004604.000.0 0.00.H48	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Cấp tỉnh
11	1.004599.000.0 0.00.H48	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Cấp tỉnh
12	1.004596.000.0 0.00.H48	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Cấp tỉnh
13	1.004557.000.0 0.00.H48	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Cấp tỉnh
14	1.004532.000.0 0.00.H48	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)	Cấp tỉnh
15	1.004529.000.0 0.00.H48	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Cấp tỉnh
16	1.004516.000.0	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
	0.00.H48	thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	
17	1.004449.000.0 0.00.H48	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Cấp tỉnh
18	1.004087.000.0 0.00.H48	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Cấp tỉnh
19	1.003963.000.0 0.00.H48	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	Cấp tỉnh
20	1.001893.000.0 0.00.H48	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	Cấp tỉnh
21	1.004604.000.0 0.00.H48	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Cấp tỉnh
22	1.004599.000.0 0.00.H48	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Cấp tỉnh
23	1.004596.000.0 0.00.H48	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Cấp tỉnh
24	1.004557.000.0 0.00.H48	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Cấp tỉnh
25	1.004532.000.0 0.00.H48	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
		nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)	
26	1.004529.000.0 0.00.H48	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Cấp tỉnh
27	1.004516.000.0 0.00.H48	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Cấp tỉnh
28	1.004449.000.0 0.00.H48	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Cấp tỉnh
29	1.004087.000.0 0.00.H48	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Cấp tỉnh
30	1.003963.000.0 0.00.H48	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	Cấp tỉnh
31	1.001893.000.0 0.00.H48	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	Cấp tỉnh
32	1.004604.000.0 0.00.H48	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Cấp tỉnh
33	1.004599.000.0 0.00.H48	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	Cấp tỉnh
34	1.004596.000.0 0.00.H48	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	Cấp tỉnh
35	1.004557.000.0 0.00.H48	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Cấp tỉnh
36	1.004532.000.0	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
	0.00.H48	hương thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hương thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hương thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hương thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)	
37	1.004529.000.0 0.00.H48	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hương thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Cấp tỉnh
38	1.004516.000.0 0.00.H48	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Cấp tỉnh
39	1.004449.000.0 0.00.H48	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Cấp tỉnh
40	1.004087.000.0 0.00.H48	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Cấp tỉnh
41	1.003963.000.0 0.00.H48	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	Cấp tỉnh
42	1.001893.000.0 0.00.H48	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc	Cấp tỉnh
43	1.001396.000.0 0.00.H48	Cung cấp thuốc phóng xạ	Cấp tỉnh
IV	LĨNH VỰC MỸ PHẨM		
44	1.002483.000.0 0.00.H48	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
45	1.000990.000.0 0.00.H48	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Cấp tỉnh
46	1.000793.000.0 0.00.H48	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Cấp tỉnh
47	1.000662.000.0 0.00.H48	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Cấp tỉnh
48	1.003064.000.0 0.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Cấp tỉnh
49	1.003073.000.0 0.00.H48	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	Cấp tỉnh
50	1.002600.000.0 0.00.H48	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	Cấp tỉnh
51	1.009566.000.0 0.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	
V	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM		
52	1.001872.000.0 0.00.H48	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Cấp tỉnh
53	2.001024.000.0 0.00.H48	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Cấp tỉnh
54	1.003108.000.0 0.00.H48	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Cấp tỉnh
VI	LĨNH VỰC THIẾT BỊ Y TẾ		
55	1.003006.000.0 0.00.H48	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Cấp tỉnh
56	1.003029.000.0 0.00.H48	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	Cấp tỉnh
57	1.003039.000.0	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị	Cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
	0.00.H48	bị y tế thuộc loại B, C, D	
58	2.000972.000.0 0.00.H48	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt	Cấp tỉnh
59	3.000447.H48	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	Cấp tỉnh
VII	LĨNH VỰC Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN		
60	1.012418.000.00.0 0.H48	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Cấp tỉnh
61	1.012419.000.00.0 0.H48	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Cấp tỉnh
62	1.009407.000.00.0 0.H48	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Cấp tỉnh
VIII	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI		
63	1.014028.000.0 0.00.H48	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.	Cấp xã
64	1.001731.000.0 0.00.H48	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Cấp xã

B. NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

1. Bổ sung “*Bước 1a. Tiếp nhận phi địa giới*” vào trước “*Bước 1. Nộp hồ sơ*”:

*Lưu ý: Trường hợp thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính thì thực hiện bước này (Bước 1a) và chuyển đến Bước 2 kế tiếp, không thực hiện **Bước 1. Nộp hồ sơ**.*

- Nội dung công việc:

- + Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ (ghi nhận yêu cầu về hình thức, địa điểm trả kết quả) và gửi Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.
- + Thực hiện thu phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).
- + Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào Hệ thống.
- + Thực hiện sao chụp, số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do từ chối theo quy định của pháp luật.

+ Chuyển ngay hồ sơ điện tử về các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục, đơn vị trực thuộc Sở Y tế hoặc phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết qua dịch vụ bưu chính theo quy định.

+ Đồng thời, chuyển thông tin về hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của cơ quan có thẩm quyền để giám sát, đôn đốc.

- Đơn vị/người thực hiện: Tổ chức, cá nhân; công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính.

- Kết quả thực hiện: Hồ sơ; các mẫu phiếu, giấy tờ liên quan theo quy định.

2. Tại “*Bước phát hành và chuyển kết quả giải quyết*”: Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của người/đơn vị phát hành kết quả giải quyết thực hiện việc chuyển kết quả giải quyết (*hồ sơ kèm theo theo quy định (nếu có)*) đến cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc chuyển theo dịch vụ bưu chính đến địa điểm đăng ký để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

3. Bổ sung “*Bước cuối. Trả kết quả phi địa giới*”:

- Nội dung công việc:

+ Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

+ Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu phiếu theo quy định (nếu có).

+ Thực hiện thu phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

+ Thu lại các mẫu phiếu, giấy tờ theo quy định (nếu có), gửi lại cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục hành chính hoặc lưu trữ theo quy định.

+ Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.

+ Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử.

- Đơn vị/người thực hiện: Tổ chức, cá nhân; công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân.

- Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính.

- Kết quả thực hiện: Hồ sơ; các mẫu phiếu, giấy tờ liên quan theo quy định.
